

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ:

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Luật Biển Quốc Tế		
Mã học phần:	71LAWS40182	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	232_71LAWS40182_01, 02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu bằng giấy:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu được đặc điểm, các nguyên tắc, cách xác định các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của quốc gia	Trắc nghiệm	35%	Câu 1 -> Câu 14	3.5	
CLO 2	Phân biệt ranh giới, quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và các vùng biển lãnh thổ chung của cộng đồng	Trắc nghiệm	45%	Câu 15 -> Câu 32	4.5	
CLO 4	Vận dụng được các kiến thức của luật biển quốc	Tự luận	20%	Câu hỏi số 1,2 tự luận	2	

	tế để đưa vào thực tiễn đời sống quốc tế					

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (32 câu, 0.25 điểm/câu)

Anh/chị hãy chọn phương án đúng nhất trong những câu sau đây

Chiều rộng của nội thủy thì:

A. Do quốc gia ven biển ấn định dựa trên việc xác định đường cơ sở phù hợp với công ước 1982 về luật biển

B. Tối đa là 6 hải lý

C. Do các nước hữu quan thỏa thuận qui định

D. Do ủy ban ranh giới phía ngoài của thềm lục địa qui định

ANSWER: A

Một trong những trường hợp để xác định bờ biển phức tạp là:

A. Khi bờ biển khúc khuỷu, bị khoét sâu và lồi lõm.

B. Khi có hai hòn đảo nằm sát ngay và chạy dọc theo bờ biển.

C. Khi có hai vùng lõm sâu rõ rệt.

D. Khi có hai vịnh lịch sử.

ANSWER: A

Vùng biển thuộc chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia là:

- A. Nội thủy
- B. Nội thủy và lãnh hải
- C. Nội thủy, lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải
- D. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế

ANSWER: A

Ranh giới phía trong của thềm lục địa:

- A. Là ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- B. Chính là bờ biển
- C. Chính là đường cơ sở
- D. Là ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải

ANSWER: A

Đối với không phận bao trùm trên vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển:

- A. Không phải là lãnh thổ quốc gia
- B. Có quyền kinh tế
- C. Có quyền kinh tế với điều kiện phải dựa trên sự thỏa thuận giữa các nước hữu quan
- D. Là lãnh thổ quốc gia nên quốc gia có chủ quyền tuyệt đối

ANSWER: A

“Tự do hàng hải” là một trong những nội dung của nguyên tắc:

- A. Tự do biển cả.
- B. Nguyên tắc đất thống trị biển.
- C. Nguyên tắc sử dụng biển cả vì các mục đích hòa bình.
- D. Nguyên tắc bảo vệ môi trường biển.

ANSWER: A

Các vùng biển nằm ngoài phạm vi chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển gồm:

- A. Biển quốc tế, đáy đại dương.
- B. Thềm lục địa, biển quốc tế.
- C. Vùng đặc quyền kinh tế, biển quốc tế.
- D. Vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

ANSWER: A

Nếu có sự khác nhau giữa luật biển Việt Nam với điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của

- A. Điều ước quốc tế
- B. Áp dụng luật biển Việt Nam
- C. Áp dụng quy định của điều ước quốc tế hay luật biển Việt Nam là do các chủ thể lựa chọn
- D. Áp dụng quy định của tập quán quốc tế

ANSWER: A

Một quốc gia là một bên của vụ tranh chấp mà không đưa ra một tuyên bố lựa chọn một hay nhiều biện pháp được ghi nhận trong công ước 1982 về luật biển để giải quyết tranh chấp thì được xem là:

- A. Đã chấp nhận thủ tục trọng tài (phụ lục VII) công ước 1982

B. Đã chấp nhận thủ tục tòa án quốc tế về luật biển được thành lập theo phụ lục VI công ước 1982

C. Chấp nhận thủ tục tòa trọng tài đặc biệt được thành lập theo phụ lục VIII của CU 1982

D. Chấp nhận thủ tục tòa án quốc tế (Liên hợp quốc)

ANSWER: A

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là:

A. Đường cơ sở thẳng

B. Đường cơ sở thông thường

C. Đường cơ sở theo ngân nước thủy chiều thấp nhất

D. Đường cơ sở quần đảo

ANSWER: A

“... là tất cả những vùng biển không nằm trong vùng đặc quyền kinh tế, lãnh hải hay nội thủy của một quốc gia cũng như không nằm trong vùng quần đảo của một quốc gia quần đảo”, đây là định nghĩa của:

A. Biển quốc tế

B. Vùng đáy đại dương

C. Thềm lục địa

D. Vùng nước lịch sử

ANSWER: A

Theo công ước luật biển 1982, phương tiện dùng để truy đuổi chiếc tàu nước ngoài vi phạm pháp luật của quốc gia ven biển là:

A. Tàu chiến, phương tiện bay quân sự hoặc các tàu hay phương tiện có mang dấu hiệu bên ngoài của một cơ quan nhà nước được ủy nhiệm làm nhiệm vụ đó.

B. Chỉ có tàu chiến (tàu quân sự)

C. Chỉ có tàu cảnh sát

D. Tàu chiến và phương tiện bay quân sự

ANSWER: A

Việc truy đuổi của quốc gia ven biển áp dụng đối với các tàu vi phạm pháp luật trên các vùng biển thuộc quyền tài phán của quốc gia ven biển, chỉ được coi như bắt đầu sau khi

A. Phương tiện truy đuổi đã phát tín hiệu nhìn hoặc nghe ở một cự ly cần thiết mà chiếc tàu vi phạm có thể nhận biết được

B. Kêu gọi bằng lời nói ở một cự ly cần thiết để chiếc tàu vi phạm có thể nhận biết được

C. Đọc lệnh bắt khẩn cấp đối với người trên tàu vi phạm

D. Bắt buộc phải kéo còi ở cự ly cần thiết để tàu vi phạm nhận biết được

ANSWER: A

Tòa án quốc tế về luật biển có thành phần gồm

A. 21 thẩm phán chuyên trách

B. 15 thẩm phán chuyên trách

C. 23 thẩm phán chuyên trách

D. 17 thẩm phán chuyên trách

ANSWER: A

Tàu thuyền nước ngoài muốn vào nội thủy của quốc gia ven biển đều phải:

- A. Xin phép trước và được phép mới được vào trừ khi gặp bão lụt hoặc máy hỏng
 - B. Xin phép trước trong mọi trường hợp và được phép mới được vào
 - C. Không cần phải xin phép nếu các nước hữu quan là thành viên Công ước 1982
 - D. Phải thông báo trước cho nước ven biển ít nhất 12 giờ
- ANSWER: A

Theo luật biển Việt Nam, khi tiến hành bắt, tạm giữ, tạm giam người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc tạm giữ tàu thuyền nước ngoài, lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho bộ nào sau đây

- A. Bộ ngoại giao
- B. Bộ tư pháp
- C. Bộ công an
- D. Bộ ngoại thương

ANSWER: A

Vùng tiếp giáp lãnh hải tồn tại:

- A. 2 chế độ pháp lý
- B. 1 chế độ pháp lý
- C. 3 chế độ pháp lý
- D. 4 chế độ pháp lý

ANSWER: A

Vùng đặc quyền kinh tế là:

- A. Vùng biển hỗn hợp vì tồn tại hai loại thẩm quyền: Quốc gia ven biển và các quốc gia khác
- B. Vùng biển thuộc chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ của quốc gia ven biển
- C. Vùng biển chuyển tiếp nằm giữa một bên là thềm lục địa và bên kia là vùng biển quốc tế
- D. Vùng biển truyền thống của luật biển quốc tế

ANSWER: A

Theo công ước 1982 về luật biển, vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển nằm ở:

- A. Phía ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải
- B. Phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải
- C. Phía ngoài nội thủy
- D. Phía ngoài thềm lục địa

ANSWER: A

Chiều rộng thực tế của vùng tiếp giáp lãnh hải là:

- A. Không quá 12 hải lý
- B. Không quá 6 hải lý
- C. Không quá 18 hải lý
- D. Không quá 24 hải lý

ANSWER: A

Trình tự, thủ tục xin phép vào vùng nội thủy của quốc gia ven biển đối với tàu thuyền nước ngoài do:

- A. Từng quốc gia ven bờ quy định
- B. Công ước 1982 về luật biển quy định
- C. Do các nước hữu quan thỏa thuận quy định

D. Do Luật hàng hải quốc tế quy định

ANSWER: A

Quốc gia ven biển ấn định ranh giới ngoài của thềm lục địa vượt quá khoảng cách 200 hải lý tính từ đường cơ sở phải thực hiện một trong những nghĩa vụ sau đây:

- A. Ấn định ranh giới ngoài của thềm lục địa đúng với các kiến nghị của Ủy ban ranh giới thềm lục địa**
- B. Gửi đơn yêu cầu xem xét để ấn định các ranh giới ngoài của thềm lục địa**
- C. Báo cho tổng thư ký liên hợp quốc về ranh giới phía ngoài của thềm lục địa của quốc gia mình**
- D. Thông báo cho tất cả các nước thành viên liên hợp quốc về ranh giới phía ngoài thềm lục địa của quốc gia mình**

ANSWER: A

Vùng trời trên lãnh hải là

- A. Lãnh thổ quốc gia**
- B. Lãnh thổ quốc tế**
- C. Lãnh thổ quốc gia được sử dụng quốc tế**
- D. Lãnh thổ có qui chế đặc biệt**

ANSWER: A

“Nguyên tắc tự do biển cả” là nguyên tắc bao trùm toàn bộ chế độ pháp lý của:

- A. Vùng biển cả**
- B. Lãnh hải**
- C. Đặc quyền kinh tế**
- D. Tiếp giáp lãnh hải**

ANSWER: A

Tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển, được hưởng các quyền tự do hàng hải, hàng không, quyền tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm ở vùng:

- A. Đặc quyền kinh tế và thềm lục địa**
- B. Biển quốc tế và đặc quyền kinh tế**
- C. Biển quốc tế và tiếp giáp lãnh hải**
- D. Tiếp giáp lãnh hải và thềm lục địa**

ANSWER: A

Khi khai thác tài nguyên không sinh vật của thềm lục địa nằm ngoài 200 hải lý kể từ đường cơ sở, quốc gia ven biển có nghĩa vụ:

- A. Đóng góp bằng tiền hay bằng hiện vật cho cơ quan quyền lực đáy đại dương**
- B. Báo cho Ủy ban ranh giới thềm lục địa**
- C. Báo cho cơ quan quyền lực đáy đại dương**
- D. Đóng góp và báo cho tổng thư ký LHQ**

ANSWER: A

Các quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa

- A. Không phụ thuộc vào sự chiếm hữu thật sự hay danh nghĩa, cũng như vào bất cứ tuyên bố rõ ràng nào**

- B.** Phụ thuộc vào sự tuyên bố đơn phương rõ ràng của quốc gia ven biển mới được cộng đồng quốc tế công nhận
- C.** Phụ thuộc vào sự tuyên bố đơn phương rõ ràng của quốc gia ven biển cho các quốc gia là thành viên của công ước 1982
- D.** Phụ thuộc vào sự tuyên bố đơn phương rõ ràng của quốc gia ven biển gửi cho tổng thư ký LHQ

ANSWER: A

“Tất cả các quốc gia đều có quyền lắp đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm ở...”

- A.** Thêm lục địa
- B.** Vùng đặc quyền kinh tế
- C.** Lãnh hải
- D.** Vùng tiếp giáp lãnh hải

ANSWER: A

Tính đặc quyền của nước ven biển ở thêm lục địa được hiểu là:

- A.** Nước ven biển không có nghĩa vụ phải chia sẻ các quyền của mình với các quốc gia khác và không phụ thuộc vào sự chiếm hữu hay tuyên bố nào
- B.** Nước ven biển phải bảo đảm các quyền tự do của các quốc gia khác đã được công ước ấn định
- C.** Đóng góp cho ủy ban quyền lực luật biển một khoản tiền hoặc hiện vật khi khai thác tài nguyên nằm ngoài 200 hải lý kể từ đường cơ sở
- D.** Không phụ thuộc vào bất kỳ tuyên bố rõ ràng nào

ANSWER: A

“Nó có ý nghĩa rất lớn trong việc xác định ranh giới các vùng biển như nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế” đây là ý nghĩa của:

- A.** Đường cơ sở
- B.** Đường phân định biển
- C.** Đường đẳng sâu 2500m
- D.** Đường cửa vịnh

ANSWER: A

Toà án quốc tế về luật biển có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia theo các cách sau:

- A.** Chấp nhận thẩm quyền của Tòa án theo từng vụ việc, chấp nhận trước thẩm quyền của tòa án trong các điều ước quốc tế hoặc bằng một tuyên bố đơn phương
- B.** Chấp nhận thẩm quyền của Tòa án trong điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương hoặc bằng một tuyên bố đơn phương
- C.** Chấp nhận trước thẩm quyền của tòa án trong điều ước quốc tế đa phương hoặc trong từng vụ việc
- D.** Chấp nhận thẩm quyền của Tòa án theo từng vụ việc hoặc bằng một tuyên bố đơn phương

ANSWER: A

Nhiệm kì của thẩm phán tòa án quốc tế về luật biển là:

- A.** 9 năm và có thể tái đắc cử
- B.** 7 năm và có thể tái đắc cử
- C.** 5 năm và có thể tái đắc cử

D. 4 năm và có thể tái đắc cử

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 + 1đ/câu)

Anh/chị hãy cho biết các khẳng định sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao?


1. Vùng tiếp giáp lãnh hải là một bộ phận của vùng đặc quyền kinh tế (1 điểm)
2. Ranh giới phía ngoài của thềm lục địa là được song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở 350 hải lý. (1 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 - 32	A	0.25/1 câu	Nhờ Phòng khảo thí trộn câu hỏi và đáp án
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	Vùng tiếp giáp lãnh hải là một bộ phận của vùng đặc quyền kinh tế Nhận định này là đúng - Cả vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế đều có chung một ranh giới phía trong, đó là ranh giới phía ngoài của lãnh hải - Ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải chỉ cách đường cơ sở không quá 24 hải lý, nhưng ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế lại cách đường cơ sở tối đa là 200 hải lý vì vậy: Vùng tiếp giáp lãnh hải là 1 bộ phận của vùng đặc quyền kinh tế	(0.25 điểm) (0.75 điểm)	
Câu 2	2. Ranh giới phía ngoài của thềm lục địa là được song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở 350 hải lý. (1 điểm) Nhận định này là sai Đối với những nước có thềm lục địa hẹp, thì ranh giới phía ngoài của	(0.25 điểm) (0.75 điểm)	

	thêm lục địa chỉ cách đường cơ sở tối đa là 200 hải lý		
	Điểm tổng	10.0	


Người duyệt đề



Nguyễn Thị Yên

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Giảng viên ra đề



Nguyễn Thị Yên